TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN B
TỈNH HÀ NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 03/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 11 - 5 - 2020
V/v: Tranh chấp về ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN B, TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Ngân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Văn Hưởng và ông Nguyễn Hữu Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Giang Yên - Thư ký Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quyên - Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 tháng 5 năm2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 118/2019/TLST-HNGĐ ngày 20/12/2019 về việc *"Tranh chấp ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/02/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2020/QĐST-HNGĐ ngày 17/3/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số 04/2020/QĐST-HNGĐ ngày 14/4/2020, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Trần Thị H, sinh năm 1990; nơi ĐKHKTT và cư trú: Thôn An, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Trần Công Th, sinh năm 1988; nơi ĐKHKTT: Thôn An, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam; hiện đang chấp hành án phạt tù tại trại giam T - Cục C10, Bộ Công an, địa chỉ: Thị Trấn N, huyện N, tỉnh Thanh Hóa. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 20/12/2019 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn - chị Trần Thị H trình bày: Chị và anh Trần Công Th kết hôn với nhau vào ngày 27/7/2010, việc kết hôn là hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Th không tu trí làm ăn, chơi bời cờ bạc và có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác. Chị và gia đình đã khuyên bảo nhưng anh Th không nghe, anh Th thường xuyên gây sự chửi bới, đánh đập chị thậm tệ, có lần chị đã phải báo chính quyền địa phương đến can thiệp nhưng anh Th vẫn

không thay đổi, mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 12/2016, anh Th không tìm chị cũng không về sống cùng anh Th nữa, vợ chồng sống ly thân nhau từ đó đến nay, không quan tâm đến nhau. Năm 2019 anh Th vi phạm pháp luật nên đã bị Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy, hiện anh Th đang chấp hành án phạt tù tại trại giam T, tỉnh Thanh Hóa. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện B giải quyết cho chị được ly hôn với anh Trần Công Th.

Tại bản tự khai ngày 24/12/2019, bị đơn - anh Trần Công Th trình bày: Anh và chị Trần Thị H tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 27/7/2010 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh mải chơi, không tu trí làm ăn, không quan tâm gì đến vợ con; ngoài ra vợ chồng không tin tưởng nhau, chị H nghi ngờ anh có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi chửi nhau, đến tháng 12/2016 do mâu thuẫn vợ chồng căng thẳng nên chị Huế đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, vợ chồng sống ly thân nhau từ đó đến nay, không quan tâm đến nhau. Đến năm 2019, do anh vi phạm pháp luật nên đã bị Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*, hiện anh đang chấp hành án tại Trại giam T, tỉnh Thanh Hóa. Nay chị Huế xin ly hôn anh, anh cũng xác định tình cảm vợ chồng không còn, anh nhất trí ly hôn chị H. Do anh đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam T, tỉnh Thanh Hóa, không thể có mặt tham gia giải quyết vụ án tại Toà án được nên anh đã có đơn đề nghị được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa.

- Về con chung: Chị Hu và anh Th đều xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Trần Gia B, sinh ngày 25/11/2011, hiện cháu đang ở với chị H. Ly hôn, anh chị đều có quan điểm đề nghị Tòa án giao cháu B cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng và anh Th không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản riêng, tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: chị H, anh Th đều xác định không có, không đề nghị Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa chị H vẫn giữ nguyên quan điểm đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Th và cho chị được tiếp tục nuôi cháu Trần Gia B.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện B có quan điểm: Về tố tụng: Tòa án nhân dân huyện B thụ lý giải quyết vụ án đúng thẩm quyền, đúng quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS; quá trình giải quyết vụ án tại toà và xét xử tại phiên toà, Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS; chị H và anh Th đã chấp hành và thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, 71, 72 BLTTDS, anh Th có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa. Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 55, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình. Xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Trần Công Th; về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của chị H và anh Th, giao cho chị H tiếp tục nuôi

dưỡng cháu Trần Gia B, sinh ngày 25/11/2011, anh Th không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị Huế; án phí ly hôn sơ thẩm: Chị H, anh Th phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Bình Lục, tỉnh Hà Nam nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Căn cứ nội dung yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Trần Thị H xin ly hôn anh Trần Công Th, đây là quan hệ pháp luật tranh chấp về *"Ly hôn"* theo quy định tại khoản 1 Điều 51 Luật hôn nhân và gia đình và khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự; anh Th có hộ khẩu thường trú và cư trú tại thôn An, xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện B, tỉnh Hà Nam theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Trần Thị H và anh Trần Công Th tự nguyện đăng ký kết hôn với nhau vào ngày 27/7/2010 tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh Th không tu chí làm ăn, thường xuyên chơi cờ bạc, không quan tâm đến vợ con, kinh tế khó khăn; bên cạnh đó trong cuộc sống vợ chồng không tin tưởng nhau, chị H nghi ngờ anh Th có quan hệ ngoại tình với người phụ nữ khác; vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi chửi nhau. Đến năm 2019, do anh Th vi phạm pháp luật nên đã bị Tòa án nhân dân huyện B xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội *"Tàng trữ trái phép chất ma túy"*. Hội đồng xét xử thấy rằng, vợ chồng anh chị đã sống ly thân nhau từ năm 2016 đến nay, trong thời gian anh Th chấp hành án tại trại giam T thì chị H không đến thăm nom và cũng không quan tâm gì. Xét thấy, mâu thuẫn của vợ chồng anh chị đã trầm trọng, anh chị không còn tình cảm với nhau nữa, khả năng đoàn tụ là khó. Do điều kiện anh Th đang chấp hành án phạt tù tại trại giam nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự được, Tòa án đã lập biên bản không tiến hành hòa giải được vào ngày 07/02/2020. Vì vậy, xử cho chị H được ly hôn anh Th là phù hợp với thực tế, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 51 và khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân gia đình.

[3] Về con chung: Chị H và anh Th có 01 con chung là cháu Trần Gia B, sinh ngày 25/11/2011. Hội đồng xét xử xét thấy rằng, kể từ khi vợ chồng sống ly thân đến nay thì cháu B do chị H nuôi dưỡng, được chị H chăm sóc chu đáo, phát triển bình thường, có sức khỏe tốt; chị H có nơi ở, công việc và thu nhập ổn định; tại lời khai cháu B có nguyện vọng được ở với chị H; bản thân anh Th đang phải chấp hành án phạt tù tại trại giam nên không có điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc cũng như đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung. Do vậy, để đảm bảo sự ổn định của cháu, cần giao cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng cháu B, anh Th

không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp với thực tế và phù hợp với quy định của pháp luật.

[4] Về tài sản riêng, tài sản chung, công nợ, công sức đóng góp, đất nông nghiệp trồng cây hàng năm, trợ cấp khó khăn sau ly hôn: Chị H và anh Th đều xác định không có, không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị H phải chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14.

1. Xử cho ly hôn giữa chị Trần Thị H và anh Trần Công Th.

2. Về con chung: Giao cho chị H tiếp tục nuôi dưỡng cháu Trần Gia B, sinh ngày 25/11/2011, anh Th không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con chung đối với cháu B cùng chị H.

Chị H cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh Th trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục đối với cháu B.

3. Án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị H phải chịu 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Chuyển 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ly hôn sơ thẩm mà chị H đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện B theo biên lai số AA/2015/0002481 ngày 17/12/2019 thành án phí ly hôn sơ thẩm mà chị H phải nộp. (Chị H đã thi hành xong án phí ly hôn sơ thẩm).

Báo cho chị H biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Báo cho anh Th biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết tại trụ sở Uỷ ban nhân dân xã A, huyện B, tỉnh Hà Nam.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Ngân

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND huyện B;
- Chi cục THADS huyện B;
- UBND xã A, huyện B;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.